

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 196/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2022

V/v Kiện xin ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Trung

2. Bà Nguyễn Thị Bạ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi là Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 568/2021/TLST-HNGĐ ngày 1 tháng 7 năm 2022 về việc “Kiện xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2022/QĐXX-ST ngày 26/8/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 171/20022/QĐ-HNGĐ ngày 14/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tr, sinh năm 1993 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã ET, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Phạm Hồng T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã ET, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Chị Trần Thị Tr trình bày:

Tôi và anh Phạm Hồng T tự nguyện tìm hiểu và yêu thương có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoà Đông, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, chúng tôi sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay tôi thấy cuộc sống gia đình không hạnh phúc, không hàn gắn được nữa, nên tôi làm đơn này xin được ly hôn với anh Phạm Hồng T. Về con chung:

Chúng tôi có 01 con chung là cháu Phạm Minh T1, sinh ngày 24/02/2018, hiện cháu đang ở với tôi.

Nguyên vọng của tôi đề nghị Toà án nhân dân TP Buôn Ma Thuột giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Phạm Hồng T.

Về con chung: Tôi đề nghị được nuôi cháu Phạm Minh Tuấn, sinh ngày 24/02/2018 đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu anh Tiệp cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân TP Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX và các đương đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Điều Luật hôn nhân và gia đình, Điều 27 nghị quyết của UBTWQH số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Tr. Chị Trần Thị Tr được ly hôn với anh Phạm Hồng T.

Về con chung: Giao cháu Phạm Minh T1, sinh ngày 24/02/2018, cho chị Trần Thị Tr nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Kiện tranh chấp hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân TP Buôn Ma Thuột theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Tr và anh Phạm Hồng T tự nguyện tìm hiểu và yêu thương có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoà Đông, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk ngày 23/02/2017. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình điều tra chị Trần Thị Tr xác định quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng thường

xuyên cãi nhau vì bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Nay cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân nên đã sống ly thân nhau. Do đó đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh Phạm Hồng T.

Qua kết quả xác minh tại địa phương cho biết vợ chồng chị Trần Thị Tr và anh Phạm Hồng T có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay không còn chung sống với nhau, nay chị Trần Thị Tr xin được ly hôn với anh Phạm Hồng T, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình cảm vợ chồng chị Trần Thị Tr và anh Phạm Hồng T không còn nữa, không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau đã sống ly thân, nguyện vọng của chị Trần Thị Tr xin ly hôn anh Phạm Hồng T là phù hợp theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung; Hiện nay cháu Tuấn đang sinh sống cùng chị Trinh, do vậy giao cháu Phạm Minh T1, sinh ngày 24/02/2018, cho chị Trần Thị Tr nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Phạm Hồng T được quyền đi lại thăm nom con chung là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 nghị quyết của UBTVQH số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Tr. Chị Trần Thị Tr được ly hôn anh Phạm Hồng T.

Về con chung: Giao cháu Phạm Minh T1, sinh ngày 24/02/2018, cho chị Trần Thị Tr trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Phạm Hồng T được quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Tr không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không giải quyết.

2. Về án phí: chị Trần Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí LHST, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0019775 ngày 30/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buon Ma Thuot

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Kiên